| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **350**/2023/HC-PT
Ngày: 20-9-2023
*V/v: "Kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Võ Ngọc Thông;
*Các Thẩm phán:* bà Võ Thị Ngọc Dung;
ông Phạm Ngọc Thái.

***- Thư ký phiên tòa:*** ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 164/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc: *"Kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2023/HC-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3189/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện:*** ông Nguyễn Minh P; địa chỉ: thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

*Người đại diện ủy quyền của người khởi kiện:*

1. Ông Nguyễn Đức D; địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2022). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Khánh L; địa chỉ: Số F N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2022. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

***- Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; địa chỉ: Số I L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện ủy quyền:* ông Nguyễn Thiên V, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đ (Văn bản ủy quyền ngày 13/01/2023). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* ông Trần Văn S, chức vụ: Phó Giám đốc Sở T2 và ông Văn Quốc T, chức vụ: Chuyên viên Phòng Quản lý đất đai thuộc Sở T2. Vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: địa chỉ: thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện pháp luật:* ông Hoàng Kiên C, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện K. Vắng mặt.

*Người đại diện ủy quyền của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân huyện K *và* Ủy ban nhân dân huyện K*:* ông Phan Hoàng L1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện K (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2023). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông*** Nguyễn Minh P ***và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông*** Nguyễn Đức D***, ông*** Nguyễn Khánh L ***trình bày:***

Ông Nguyễn Minh P là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất 555,9m$^2$, tọa lạc tại: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 10, mảnh trích đo 04 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ lập ngày 31/7/2019.

Về nguồn gốc đất: Năm 1989, ông Lưu Xuân T1 khai hoang. Năm 2002, ông T1 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Bình L2 (Bố ông P). Năm 2005 ông L2 tặng lại cho ông P 555,9m$^2$ để ở riêng. Năm 2007 ông P xây dựng nhà ở và sinh sống ổn định, không tranh chấp với ai từ năm 2007 cho đến nay. Quá trình sinh sống, xây dựng nhà không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản xử lý vi phạm hành chính. Hàng năm ông P đều thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Để thực hiện dự án xây dựng công trình đường giao thông trục chính trung tâm N, huyện K, ngày 21/12/2020, UBND huyện K ban hành Quyết định số 4190/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần diện tích đất nói trên của hộ ông P để thực hiện dự án đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (Đợt 2) (Viết tắt là Quyết định số 4190), cụ thể thu hồi của ông P diện tích 249,1m$^2$, còn lại 306,8m$^2$.

Cùng ngày 21/12/2020, UBND huyện K ban hành Quyết định số 4196/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán khi

Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (đợt II) (Viết tắt là Quyết định số 4196). Tại Quyết định số 4196 của UBND huyện K chỉ phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho ông P số tiền là **310.536.924** đồng, bao gồm: Bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất; hỗ trợ công trình trên đất và một số khoản hỗ trợ khác là chưa đúng và đủ theo quy định pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người bị thu hồi đất. Không đồng ý với quyết định trên, ông P làm đơn khiếu nại đến Cơ quan có thẩm quyền.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 76/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1315/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ đều không chấp nhận đơn khiếu nại của ông P và giữ nguyên quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện K. Việc Chủ tịch UBND tỉnh Đ, Chủ tịch UBND huyện K không chấp nhận đơn khiếu nại để điều chỉnh lại Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là chưa đúng quy định pháp luật, chưa phù hợp với hiện trạng, nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, tạo lập tài sản trên đất. Cụ thể như sau:

- Về bồi thường, hỗ trợ về đất: UBND huyện K thu hồi diện tích 249,1m$^2$ nhưng chỉ bồi thường số tiền 85.476.174 đồng theo giá đất nông nghiệp (Đất trồng cây lâu năm) là quá thấp và không đúng với mục đích sử dụng đất của ông P. Quyết định giải quyết khiếu nại cho rằng phần diện tích đất mà ông P đang sử dụng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa chuyển mục đích sử dụng đất nên chỉ được bồi thường theo giá đất nông nghiệp là không chính xác. Bởi lẽ, thửa đất của ông P đang sử dụng đã được Hội đồng đăng ký đất đai UBND xã C và Quyết định số 4196 ghi nhận tại phần xác định về nguồn gốc sử dụng đất, cụ thể: *"Ông* Lưu Xuân T1 *khai hoang năm 1989, năm 2002 sang nhượng lại cho ông* Nguyễn Bình L2*, đến năm 2005 cho tặng ông* Nguyễn Minh P *làm nhà ở ổn định từ năm 2007 đến nay; Thời điểm sử dụng đất: Đất ở sử dụng ổn định từ năm 2007 đến nay (Trước khi sử dụng vào mục đích đất ở là đất trồng cây lâu năm sử dụng ổn định từ năm 1990 đến năm 2007), đất trồng cây lâu năm sử dụng ổn định từ năm 1990 đến nay, không tranh chấp"*. Cho nên, ông P thuộc trường hợp đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được công nhận đối với 400m$^2$ đất ở tại nông thôn (Phần diện tích có nhà ở ổn định) theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai. Việc ông P chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ là thủ tục hành chính và có phần do lỗi của UBND huyện K, trong khi hồ sơ đăng ký đất đai của ông P đã đầy đủ tại UBND xã C.

Việc UBND huyện K áp giá đối với phần diện tích đất bị thu hồi 249,1m$^2$ (Đã có nhà ở ổn định từ năm 2007) theo giá đất nông nghiệp để bồi thường là chưa đúng quy định. Lẽ ra, ông P phải được bồi thường theo giá đất ở tại nông thôn thì mới đúng pháp luật. Mặt khác, tương tự như trường hợp của ông P, vào thời điểm năm 2010 -2012 khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất tại vị trí gần sát với đất của ông P tại thôn N, xã C để xây dựng trụ sở UBND huyện K, Tòa

án nhân dân huyện Krông Búk, v.v.. thì các trường hợp bị thu hồi đất là: Ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Đức C1 và nhiều hộ dân khác tại khu vực đều được Nhà nước bồi thường theo giá đất ở tại nông thôn. Mặc dù, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận và công nhận phần diện tích đất có nhà ở đã sử dụng ổn định từ trước. Ông P đã cung cấp các thông tin này trong quá trình giải quyết khiếu nại nhưng lại không được xem xét một cách khách quan, toàn diện.

- Về bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình và tài sản khác gắn liền với đất: Quyết định giải quyết khiếu nại cho rằng ông P xây dựng nhà ở trên đất chưa chuyển mục đích sử dụng đất, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới theo quy định tại Điều 89 Luật Đất đai mà chỉ được hỗ trợ với mức 60% và 30% là chưa chính xác, vì thửa đất ông P đang sử dụng dù chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các tài sản là nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác gắn liền với đất phải được bồi thường bằng 100% giá trị tài sản, chứ không phải chỉ được hỗ trợ với mức 60% và 30% theo quyết định giải quyết khiếu nại là quá thấp, gây thiệt hại nghiêm trọng cho người bị thu hồi đất. Với khoản tiền hỗ trợ chỉ 60% và 30% tài sản trên đất là không đủ để gia đình ông P có thể xây dựng nhà ở mới, công trình chuồng trại mới tại nơi tái định cư.

Gia đình ông P thuộc diện phải di dời toàn bộ nhà ở, công trình trên đất đi nơi khác, nhưng những tài sản còn lại phải bỏ hoang, không được sử dụng như sân phơi, giếng nước, công trình điện năng lượng mặt trời lại không được bồi thường, hỗ trợ là thiếu sót, gây thiệt hại cho ông P.

- Về các khoản hỗ trợ khác như hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ di chuyển chỗ ở và hỗ trợ tái định cư chưa đầy đủ theo quy định.

Vì vậy, ông Nguyễn Minh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh P (lần 2).

+ Hủy Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh P (lần đầu).

+ Hủy một phần Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (Đợt II) đối với ông Nguyễn Minh P.

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện K ban hành lại Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất và các khoản hỗ trợ khác cho ông Nguyễn Minh P theo đúng quy định pháp luật.

***Người bị kiện Chủ tịch*** Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ***trình bày:***

- Nội dung bồi thường về đất: Theo kết quả xác minh, việc sử dụng đất của ông Nguyễn Minh P thuộc trường hợp không có giấy tờ theo quy định và có nguồn gốc là đất lấn chiếm và chuyển mục đích sử dụng đất trái phép, nên việc xác định loại đất để bồi thường khi thu hồi đất được quy định tại Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP, cụ thể: *"Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng; Trường hợp đang sử dụng đất do lấn chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất"*. Do đó, việc UBND huyện K xác định thửa đất ông Nguyễn Minh P đang khiếu nại là đất nông nghiệp và căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai 2013 bồi thường cho ông Nguyễn Minh P theo loại đất nông nghiệp là đúng quy định. Việc xây dựng đơn giá bồi thường đất nông nghiệp của UBND huyện K đối với thửa đất của ông Nguyễn Minh P là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và phù hợp với giá thị trường.

- Nội dung bồi thường, hỗ trợ về công trình trên đất: Các công trình trên đất của ông Nguyễn Minh P đều xây dựng sau ngày 01/7/2004, theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ, các công trình này không đủ điều kiện bồi thường, mà chỉ được hỗ trợ. Do vậy, việc UBND huyện K hỗ trợ 60% đối với các công trình xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014, hỗ trợ 30% đối với công trình xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến ngày có thông báo thu hồi đất là đúng quy định; đơn giá bồi thường áp dụng theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh ban hành giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh là đúng quy định của pháp luật.

- Nội dung bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất: Việc UBND huyện K áp dụng khoản 1 Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh, theo đó bồi thường đối với cây trồng chính, hỗ trợ cây trồng vượt mật độ, cây trồng xen là đúng quy định của pháp luật. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng áp dụng theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh là đúng quy định của pháp luật.

Vậy, Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh P và giữ nguyên Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh P (Lần 2); Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh P (Lần đầu); Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ

khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (đợt II).

***Người bị kiện Chủ tịch*** Ủy ban nhân dân huyện K ***và*** Ủy ban nhân dân huyện K ***trình bày:***

Ngày 18/02/2022, UBND huyện K nhận được Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh P khiếu nại về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện xây dựng dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk. UBND huyện K đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thực hiện các trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại, cụ thể như sau:

- Quyết định số 299/QĐ-UBND, ngày 12/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung đơn khiếu nại của các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thuộc công trình Đường giao thông trục chính trung tâm (N6) huyện K.

- Quyết định số 300/QĐ-UBND, ngày 12/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện K về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại.

- Quyết định số 1202/QĐ-UBND, ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện K về việc gia hạn thời hạn xác minh.

- Báo cáo số 99/BC-ĐXM, ngày 30/12/2021 của Đoàn xác minh số 300 về kết quả kiểm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh P.

- Biên bản đối thoại ngày 31/12/2021.

- Quyết định số 76/QĐ-UBND, ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh P.

** Về bồi thường, hỗ trợ về đất:*

Nguồn gốc sử dụng đất ban đầu do ông Lưu Xuân T1 khai hoang năm 1989, sử dụng ổn định đến năm 2002 sang nhượng lại cho ông Nguyễn Bình L2 sử dụng ổn định, đến năm 2005 tặng cho con là ông Nguyễn Minh P, ông P sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp. Diện tích đất thu hồi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Vì vậy, căn cứ vào Quyết định số 2875/QĐ-UBND, ngày 19/8/2020 của UBND huyện K về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, việc áp giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất thu hồi theo đơn giá đất nông nghiệp là đúng theo quy định của pháp luật.

** Về bồi thường, hỗ trợ công trình trên đất:*

Trong quá trình chuyển quyền sử dụng đất vào năm 2005 đối với thửa đất thu hồi để thực hiện dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, ông Nguyễn Minh P và ông Nguyễn Bình L2 chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật mà đã tiến hành xây dựng nhà ở, tài sản gắn liền trên đất không đúng mục đích sử dụng đất. Vì vậy, theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của

UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Theo quy định tại các Quyết định của UBND tỉnh, thì nhà ở, công trình xây dựng của hộ ông Nguyễn Minh P không đủ điều kiện bồi thường mà chỉ được hỗ trợ theo quy định. Giá trị hỗ trợ bằng 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; hỗ trợ bằng 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới. Vì vậy, việc ông Nguyễn Minh P cho rằng giá trị bồi thường, hỗ trợ về công trình trên đất trên phần diện tích 249,1m$^2$ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện xây dựng Dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N (Đ) là chưa sát với giá thị trường là không có cơ sở.

** Về bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất:*

Trên cơ sở Biên bản kiểm kê tài sản, đất đai và hoa màu số 44/BB-TTPTQĐ, ngày 27/10/2019 của hộ ông Nguyễn Minh P và các Quyết định của UBND tỉnh Đ quy định về bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất. Việc áp giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng trên đất của hộ ông Nguyễn Minh P là đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể đã được quy định rõ tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND, ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, việc ông P cho rằng giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất trên phần diện tích 249,1m$^2$ bị thu hồi là chưa sát với giá thị trường là không có cơ sở.

** Về cấp đất tái định cư:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ, thì hộ ông Nguyễn Minh P đã được giao 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư thôn F, xã C, huyện K. Ông P đề nghị được cấp đất tái định cư tại vị trí trung tâm tương ứng với vị trí đất thu hồi để thực hiện dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N và diện tích khi được cấp đất tái định cư phải nhiều hơn là không có cơ sở được xem xét.

** Về đề nghị bồi thường, hỗ trợ các công trình khác nằm ngoài ranh giới thu hồi đất:*

Kết quả kiểm tra, đo đạc xác định diện tích đất và tài sản trên đất đối với diện tích đất nằm trong phạm vi thu hồi của hộ ông P, nhận thấy những tài sản vật kiến trúc, cây trồng nằm trong ranh giới thu hồi đất đã được xác định đầy đủ, thể hiện tại Biên bản kiểm kê tài sản, đất đai và hoa màu số 44/BB-TTPTQĐ, ngày 27/10/2019 của hộ ông Nguyễn Minh P và Phương án số 17/PA-TTPTQĐ ngày 26/11/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K.

Đối với các tài sản hộ ông P yêu cầu bồi thường, hỗ trợ gồm: Sân phơi, giếng nước, hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời là những tài sản được xác định không nằm trong ranh giới thu hồi đất để thực hiện dự án Đường G, không bị ảnh hưởng khi thực hiện xây dựng dự án, vẫn đảm bảo công năng sử dụng. Do đó, các công trình này không được xem xét bồi thường, hỗ trợ.

** Về các khoản hỗ trợ khác:* UBND huyện K đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ đầy đủ các khoản mà hộ ông P thuộc đối tượng được hưởng.

Từ những hồ sơ và chứng cứ đã nêu trên, nhận thấy công tác lập các thủ tục bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện xây dựng dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk và trình tự giải quyết khiếu nại lần đầu đối với trường hợp của ông Nguyễn Minh P – người có đất thu hồi, là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh P và xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2023/HC-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

[1]. Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng Hành chính.

Căn cứ khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21; Điều 29; Điều 30; Điều 38; Điều 39 Luật khiếu nại.

Căn cứ Điều 66, khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UB, ngày 27/2/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định về giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của UBND tỉnh Đ.

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh P về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh P (lần 2).

- Hủy Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh P (lần đầu).

- Hủy một phần Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (Đợt II) đối với ông Nguyễn Minh P. Buộc Ủy ban nhân dân huyện K ban hành lại Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất và các khoản hỗ trợ khác cho ông Nguyễn Minh P theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2023 ông Nguyễn Minh P kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

**Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:**

Đại diện người khởi kiện: ông Nguyễn Khánh L và ông Nguyễn Đức D có Đơn xin xét xử vắng mặt; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều vắng mặt. Đây là phiên toà hành chính phúc thẩm được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

- Về nội dung: Nhận thấy phần nhận định và quyết định của Toà án cấp sơ thẩm là phù hợp với thực tế và có căn cứ. Ông Nguyễn Minh P kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để là thay đổi quyết định của bản án hành chính sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Minh P, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về tố tụng: Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều vắng mặt. Tuy

nhiên, đây là phiên toà hành chính phúc thẩm được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính. Về đối tượng khởi kiện; trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành; thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, các quyết định đều được ban hành đúng trình tự thủ tục, thời hiệu khởi kiện trong thời hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án; các đương sự trong vụ án đều thống nhất, không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo và khởi kiện của ông Nguyễn Minh P; Hội đồng xét xử nhận thấy, về giá đất bồi thường và việc xác định loại đất để bồi thường theo ông P cho rằng UBND huyện K áp giá đối với phần diện tích đất bị thu hồi 249,1m$^2$ (Đã có nhà ở ổn định từ năm 2007) theo giá đất nông nghiệp để bồi thường là chưa đúng quy định, phải được bồi thường theo giá đất ở tại nông thôn thì mới đúng. Xét thấy, về nguồn gốc đất: ông P đang sử dụng thửa đất số 10, diện tích 555,9m$^2$ có nguồn gốc là đất nằm trong lâm phần do Lâm trường Cư Né quản lý. Năm 1989, ông Lưu Xuân T1 đi kinh tế mới đã bao chiếm diện tích đất này để sản xuất nông nghiệp. Đến năm 1997, Lâm trường Cư Né giải thể giao cho UBND xã C quản lý. Đến năm 2002, ông T1 sang nhượng lại cho ông Nguyễn Bình L2 bằng giấy viết tay để tiếp tục sử dụng sản xuất nông nghiệp. Năm 2005, ông L2 tặng cho các con diện tích đất này; trong đó có ông P, đến năm 2007 ông P xây dựng nhà ở. Ông P cho rằng đất do ông Lưu Xuân T1 khai hoang năm 1989 nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Việc ông P xây dựng nhà ở năm 2007 trên đất nông nghiệp là việc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trái phép nên việc xác định loại đất để bồi thường khi thu hồi đất được quy định tại Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Vì vậy, việc UBND huyện K xác định toàn bộ diện tích đất 555,9m$^2$ ông P đang canh tác sử dụng là đất nông nghiệp và căn cứ khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai 2013 bồi thường cho ông P phần diện tích đất thu hồi 249,1m$^2$ theo loại đất nông nghiệp là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình và tài sản khác gắn liền với đất: ông Nguyễn Minh P yêu cầu phải được bồi thường bằng 100% giá trị tài sản, chứ không phải chỉ được hỗ trợ với mức 60% và 30%. Xét thấy, ông P chưa thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất mà đã tiến hành xây dựng nhà ở nên không đủ điều kiện bồi thường mà chỉ được hỗ trợ theo quy định. Theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh quy định thì giá trị hỗ trợ bằng 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; hỗ trợ bằng 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới là đúng quy định. Do đó, ông P yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về nhà ở,

công trình và tài sản khác gắn liền với đất phải được bồi thường bằng 100% giá trị tài sản là không có căn cứ.

[4] Về đề nghị bổ sung bồi thường, hỗ trợ các tài sản, công trình vật kiến trúc gồm: Sân phơi, giếng nước, hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời: tại Biên bản kiểm kê tài sản, đất đai và hoa màu số 44/BB-TTPTQĐ, ngày 27/10/2019 của hộ ông Nguyễn Minh P và Phương án số 17/PA-TTPTQĐ ngày 26/11/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K, thể hiện các tài sản này không nằm trong ranh giới thu hồi đất để thực hiện dự án Đường G huyện K, không bị ảnh hưởng khi thực hiện xây dựng dự án, vẫn đảm bảo công năng sử dụng. Do đó, UBND huyện K không xem xét bồi thường, hỗ trợ các công trình này là đúng quy định pháp luật.

[5] Về cấp đất tái định cư: theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ, thì hộ ông P đã được giao 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư thôn F, xã C, huyện K. Ông P đề nghị được cấp đất tái định cư tại vị trí trung tâm tương ứng với vị trí đất thu hồi để thực hiện dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N và diện tích khi được cấp đất tái định cư phải nhiều hơn là không có cơ sở được xem xét.

[6] Về hỗ trợ chi phí di chuyển chỗ ở: tại Quyết định số 4196/QĐ-UBND hộ ông P đã được hỗ trợ chi phí di chuyển chỗ ở 7.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ (được sửa đổi, bổ sung theo khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ).

[7] Về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: diện tích đất của hộ ông P bị thu hồi là 249,1m$^2$ đất nông nghiệp, còn lại 306,8m$^2$ đất nông nghiệp, tuy nhiên phần diện tích đất có cây trồng sản xuất nông nghiệp bị thu hồi chỉ chiếm 23,7% tổng diện tích đất ông P đang sử dụng, đồng thời hộ ông P thuộc trường hợp được giao đất tái định cư. Do đó, hộ ông P không thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 17 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh Đ).

[8] Về yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hộ ông P không thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 18 Quyết định số 39/2014 /QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ (được sửa đổi bổ sung tại Điều 4 Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh Đ). Như vậy, ông Nguyễn Minh P yêu cầu hủy một phần Quyết định 4196/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (đợt II) đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho ông P là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Về yêu cầu hủy Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K và Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ: như đã phân tích trên, việc ông Nguyễn Minh P yêu cầu hủy Quyết định số 4196/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (đợt II) là không có căn cứ nên các Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 76/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K và Quyết định giải quyết lần hai số 1315/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã không chấp nhận nội dung khiếu nại, giữ nguyên Quyết định 4196/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (đợt II) là có cơ sở. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh P yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1315/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ là không được chấp nhận.

[10] Với những tài, chứng cứ và nhận định như trên thể hiện yêu cầu khởi kiện của ông P là không có căn cứ nên Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh P là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Minh P kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để làm thay đổi quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm; ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Bác yêu cầu kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[11] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Minh P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Áp dụng khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21; Điều 29; Điều 30; Điều 38; Điều 39 của Luật khiếu nại; Điều 66, khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai năm 2013;Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Quyết định số 07/QĐ-UB ngày 27/2/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định về giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên

địa bàn tỉnh tại các quyết định của UBND tỉnh Đ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh P; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2023/HC-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh P về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh P (lần 2).

- Hủy Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh P (lần đầu).

- Hủy một phần Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (Đợt II) đối với ông Nguyễn Minh P. Buộc Ủy ban nhân dân huyện K ban hành lại Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất và các khoản hỗ trợ khác cho ông Nguyễn Minh P theo đúng quy định pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số AA/2021/0022822 ngày 27/12/2022; số 0003770 ngày 03/7/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Ngọc Thông**